

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi xây dựng quyết định quy phạm pháp luật
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Huế và định mức khoán chi
nhiệm vụ xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Huế**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ
ché, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết
một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành
văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung
một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025
của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn
thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP
ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và
xử lý văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn
thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về
một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành
pháp luật;*

*Xét Tờ trình số 9270/TTr-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân thành phố về dự thảo Nghị quyết quy định mức chi xây dựng quyết định
quy phạm pháp luật của Chủ tịch UBND thành phố Huế và định mức khoán chi
nhiệm vụ xây dựng nghị quyết của HĐND thành phố Huế; Báo cáo thẩm tra của
Ban Pháp chế; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức chi xây dựng
quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và
định mức khoán chi nhiệm vụ xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân
thành phố.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định tổng mức chi trong xây dựng quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và danh mục, định mức

khoản chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân thành phố theo quy định tại khoản 2 Điều 3 và điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ, hoạt động theo chức năng hoặc được giao nhiệm vụ xây dựng quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân thành phố.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Tổng mức chi trong xây dựng quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố

Đơn vị tính: triệu đồng

Loại văn bản	Quyết định ban hành mới/thay thế quyết định	Quyết định sửa đổi, bổ sung từ 02 quyết định trở lên	Quyết định sửa đổi, bổ sung 01 quyết định	Quyết định bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ 01 quyết định /các quyết định
Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố	30	30	18	9

Điều 3. Danh mục và định mức khoản chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân thành phố

1. Tổng mức chi trong xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân thành phố

Đơn vị tính: triệu đồng

Loại văn bản	Nghị quyết ban hành mới/thay thế nghị quyết	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung từ 02 nghị quyết trở lên	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung 01 nghị quyết	Nghị quyết bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ 01 nghị quyết/các nghị quyết
Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố	250	250	150	75

2. Danh mục và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân thành phố

a) Danh mục và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ xây dựng nghị quyết ban hành mới hoặc nghị quyết thay thế nghị quyết thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này (*sau đây viết tắt là Phụ lục*).

b) Trường hợp xây dựng nghị quyết để sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị quyết thì áp dụng định mức chi như sau:

Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 nghị quyết trở lên: Bảng định mức chi quy định tại Phụ lục.

Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 nghị quyết: Bảng 60% định mức chi quy định tại Phụ lục.

c) Trường hợp xây dựng nghị quyết bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ 01 nghị quyết/các nghị quyết: Bảng 30% định mức chi quy định tại Phụ lục.

d) Trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định thay đổi, tạm dừng hoặc chấm dứt xây dựng Nghị quyết thì nhiệm vụ đã thực hiện theo đúng quy định trước thời điểm quyết định thay đổi, tạm dừng hoặc chấm dứt được thanh toán, quyết toán theo sản phẩm là kết quả nhiệm vụ đã thực hiện hoàn thành, tương ứng định mức chi quy định tại điểm a, b, c khoản này.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện và quản lý, sử dụng

1. Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước bảo đảm và được tổng hợp chung vào dự toán ngân sách chi thường xuyên hằng năm của cơ quan, đơn vị.

2. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho nhiệm vụ, hoạt động quy định tại Điều 3 Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Điều 2 và Điều 7 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2026.

2. Bãi bỏ Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định định mức phân bổ kinh phí đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế).

3. Quy định chuyển tiếp

Các định mức được áp dụng quy định chuyển tiếp tại Điều 30 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật. Đối với các nhiệm vụ, hoạt động xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành nhưng chưa thanh toán, quyết toán thì được thanh toán, quyết toán kinh phí theo định mức khoán chi quy định tại Nghị quyết này.

4. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật và Nghị định số 289/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Huế khóa IX, Kỳ họp lần thứ 2 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- UBTV Quốc hội; Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- BTV Đảng ủy các cơ quan Đảng thành phố;
- Đoàn ĐBQH thành phố; UBMTTQVN thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- VP: LĐ và các CV;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Cổng thông tin điện tử thành phố;
- Công báo thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Phạm Đức Tiến

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Phụ lục
DANH MỤC VÀ ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI CHO TỪNG NHIỆM VỤ,
HOẠT ĐỘNG TRONG XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT QUY PHẠM PHÁP
LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2026/NQ-HĐND
ngày 10 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Huế)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Nhiệm vụ	Sản phẩm	Định mức khoản chi
I	Soạn thảo Nghị quyết		130
1	Đề xuất danh mục; đăng ký xây dựng Nghị quyết của HĐND thành phố		2,6
1.1	Đề xuất danh mục; đăng ký xây dựng Nghị quyết của HĐND thành phố (<i>cơ quan soạn thảo thực hiện</i>)	Dự thảo Tờ trình và Danh mục theo Mẫu số 01/Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BTP	1
1.2	Lập, đề xuất Danh mục; góp ý, hoàn thiện dự thảo Tờ trình đăng ký và Danh mục để tham mưu UBND thành phố xem xét, trình Thường trực HĐND thành phố quyết định (<i>Sở Tư pháp thực hiện</i>)	Dự thảo Tờ trình và Danh mục theo Mẫu số 01/Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BTP	0,8
1.3	Chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Tờ trình và Danh mục để tham mưu UBND thành phố xem xét, trình Thường trực HĐND thành phố quyết định (<i>Văn phòng UBND thực hiện</i>)	Dự thảo Tờ trình và Danh mục theo Mẫu số 01/Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BTP sau khi chỉnh lý, hoàn thiện	0,8
2	Xây dựng Tờ trình dự thảo Nghị quyết của UBND thành phố	Dự thảo Tờ trình	2,6
3	Xây dựng dự thảo Nghị quyết	Dự thảo Nghị quyết	44,2
4	Xây dựng bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị quyết	Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị quyết	3,9
5	Xây dựng Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo Nghị quyết đối với trường hợp quy định tại điểm b, c và d khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Luật số 87/2025/QH15	Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo Nghị quyết kèm phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan	5,2
6	Xây dựng Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo Nghị quyết đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3	Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo Nghị quyết	6,5

	Điều 1 Luật số 87/2025/QH15		
7	Xây dựng bản đánh giá thủ tục hành chính (nếu có)	Bản đánh giá thủ tục hành chính	5,2
8	Xây dựng bản đánh giá việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp (nếu có)	Bản đánh giá việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp	5,2
9	Xây dựng bản đánh giá việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có)	Bản đánh giá việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	5,2
10	Lấy ý kiến cơ quan Đảng (nếu có)		10
10.1	Cơ quan Đảng trình xin ý kiến của cơ quan Đảng cấp trên cho ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết	Tờ trình; Hồ sơ, tài liệu liên quan đến dự thảo Nghị quyết	3
10.2	Cơ quan Đảng cho ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết	Văn bản thông báo/kết luận chủ trương của cơ quan Đảng có thẩm quyền/văn bản cho ý kiến của cơ quan Đảng đối với dự thảo Nghị quyết	7
11	Lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo nghị quyết; lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác		26
11.1	Lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo nghị quyết; lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác	Văn bản góp ý của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo nghị quyết hoặc của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác	0,45 (tối đa không quá tổng định mức khoán chi 26.000.000 đồng/nghị quyết)
11.2	Trường hợp văn bản góp ý có nội dung nhất trí	Văn bản góp ý của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo nghị quyết hoặc của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác	0,2 (tối đa không quá tổng định mức khoán chi 26.000.000 đồng/nghị quyết)
12	Phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội	Văn bản phản biện của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội và tài liệu, hồ sơ có liên quan	3,9
13	Xây dựng bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý	Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý	2,6
14	Xây dựng bản tổng hợp, tiếp thu giải trình ý kiến thẩm định	Bản tổng hợp, tiếp thu giải trình ý kiến thẩm định	1,7
15	Xây dựng báo cáo tiếp thu giải trình ý kiến thẩm tra	Báo cáo tiếp thu giải trình ý kiến thẩm tra	1,3

16	Báo cáo khả năng cân đối ngân sách địa phương, dự kiến ngân sách chi hàng năm, các nội dung liên quan đến nội dung, mức chi đối với dự thảo nghị quyết (nếu có) (<i>Sở Tài chính thực hiện</i>)	Văn bản	3,9
II	Thẩm định		30
1	Tổ chức hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định	Giấy mời; Biên bản họp; văn bản cho ý kiến thẩm định của thành viên trong trường hợp không thể tham gia cuộc họp hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định	3
2	Ý kiến thẩm định của các Sở: Nội vụ; Tài chính; Khoa học và Công nghệ		3
2.1	Ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ trong trường hợp nội dung dự thảo có quy định phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn phân cấp và nguồn nhân lực	Văn bản	1
2.2	Ý kiến thẩm định của Sở Tài chính trong trường hợp nội dung dự thảo có quy định nguồn tài chính	Văn bản	1
2.3	Ý kiến thẩm định của Sở Khoa học và Công nghệ trong trường hợp nội dung dự thảo có quy định ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Văn bản	1
3	Xây dựng báo cáo thẩm định	Báo cáo thẩm định	24
III	Tổng hợp, trình hồ sơ dự thảo Nghị quyết		15
1	Thực hiện đăng tải hồ sơ dự thảo Nghị quyết lên Cổng thông tin điện tử thành phố Huế	Hồ sơ dự thảo được đăng trên Cổng thông tin điện tử thành phố Huế	0,15
2	Tham gia ý kiến đối với nội dung quy định thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị quyết (<i>cơ quan kiểm soát thủ tục hành chính thực hiện</i>)	Văn bản	0,75
3	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ dự thảo Nghị quyết	Báo cáo/Phiếu ý kiến của Văn phòng UBND thành phố đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết	1,5
4	Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu liên quan đến dự thảo Nghị quyết để lấy ý kiến thành viên UBND, Lãnh đạo UBND thành phố; lấy ý kiến của cơ quan Đảng có thẩm quyền	Hồ sơ, tài liệu liên quan đến dự thảo Nghị quyết; văn bản lấy ý kiến thành viên UBND, Lãnh đạo UBND thành phố; lấy ý kiến của cơ quan Đảng có thẩm quyền	2,4
5	Xem xét, quyết định việc trình dự thảo Nghị quyết đến HĐND thành phố	Hồ sơ, tài liệu liên quan đến dự thảo Nghị quyết	6
6	Chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình Chủ tịch UBND thành phố ký ban hành Tờ trình	Tờ trình; hồ sơ, tài liệu liên quan đến dự thảo Nghị quyết	4,2

IV	Thẩm tra hồ sơ dự thảo nghị quyết; thông qua chương trình xây dựng nghị quyết HĐND thành phố		75
1	Thường trực HĐND thành phố thông qua danh mục văn bản quy định chi tiết, nội dung được giao; thông qua đề nghị xây dựng Nghị quyết HĐND thành phố	Kế hoạch làm việc; biên bản cuộc họp; Nghị quyết của Thường trực HĐND thành phố; hồ sơ, tài liệu liên quan đến dự thảo Nghị quyết	20
2	Thẩm tra, rà soát hoàn thiện nội dung, thể thức, kỹ thuật trình bày các dự thảo nghị quyết HĐND thành phố	Kế hoạch thẩm tra; Báo cáo thẩm tra; Nghị quyết HĐND thành phố	55